

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2018/HS -ST

Ngày: 31- 01-2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Công Nhận

Ông Phạm Văn Truyen

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên toà: Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018, tại hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2018/TLST-HS ngày 04-01-2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-HS ngày 16-1-2018 đối với bị cáo:

Đào Văn T, sinh năm 1985, tại thôn X, xã Q, huyện H, tỉnh D.

Nơi cư trú thôn X, xã Q, huyện H, tỉnh D; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 06/12; dân tộc kinh; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Đào Văn T1 và bà Nguyễn Thị C; có vợ là Phùng Thị L, sinh năm 1985; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: - Bản án số 19 ngày 09-12-2005, TAND huyện MĐRẮC, tỉnh ĐắcLăk, xử phạt 30 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Được xóa án tích theo Nghị quyết số 33 ngày 16-9-2009 của Quốc hội.

- Bản án số 09 ngày 25-5-2010, TAND huyện MĐRẮC, tỉnh Đăk Lăk, xử phạt 24 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 12-11-2011. Nộp án phí ngày 01-9-2010.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23-9-2017, chuyển tạm giam từ ngày 26-9-2017 đến nay tại Trại tạm giam Kim Chi, Công an tỉnh Hải Dương(có mặt).

Người bị hại: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1975 (đã chết).

Đại diện hợp pháp của người bị hại:

1. Bà Lê Thị T2, sinh năm 1950(mẹ đẻ anh C). Có mặt.
2. Chị Phạm Thị H, sinh năm 1978(vợ anh C). Có mặt
3. Cháu Nguyễn Văn M, sinh năm 1997(con đẻ anh C). Có mặt.
4. Cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 26-8-2002 (con đẻ anh C)
5. Cháu Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 05-8-2004 (con đẻ anh C)
6. Cháu Nguyễn Văn A1, sinh ngày 26-1-2015 (con đẻ anh Cường).

Đều cư trú tại: Thôn Hoàng Xá, xã Quyết Thắng, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Đại diện theo ủy quyền của bà Thiệu đồng thời là người đại diện hợp pháp cho các cháu D, Hoàng A, Văn A1: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1978; cư trú tại: thôn X, xã Q, huyện H, tỉnh D.

Người làm chứng:

1. Chị Lê Thị D1, sinh năm 1976; (vắng mặt)
2. Anh Lê Văn Q, sinh năm 1974; (vắng mặt)
3. Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1975; (vắng mặt)
4. Bà Lê Thị K, sinh năm 1969; (có mặt)
5. Ông Đồng Văn T3, sinh năm 1966; (có mặt)

Đều cư trú tại thôn X, xã Q, huyện H, tỉnh D.

6. Ông Phạm Văn T3, sinh năm 1969; cư trú tại thôn X1, xã Q, huyện H, tỉnh D. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 23-9-2017, tại khu vực cổng chợ xã Q, Đào Văn T đang đi gom rác thải sinh hoạt cùng với anh T3, chị K người cùng xã thì anh Nguyễn Văn C điều khiển xe máy nhãn hiệu Wave màu trắng, BKS 34B3- 111.13 đi qua, vô cớ chửi T; do bức

xúc T chửi lại và lấy mũ cối đang đội trên đầu ném về phía anh C nhưng không trúng, anh C điều khiển xe máy bỏ đi, Tuấn nhặt mũ và tiếp tục công việc. Đến khoảng 08h cùng ngày, tại khu vực xưởng sản xuất bánh đậu xanh của gia đình anh Lê Văn Q ở thôn X, xã Q, khi T đang gom rác thì anh C điều khiển xe máy đến cách T khoảng 5m rồi tắt máy, ngồi trên xe tiếp tục chửi bới, thách thức T, hai bên lời qua tiếng lại. T đi về phía C, dùng chân đang đi ủng bằng nhựa màu giẫm gi đạp vào người anh C làm anh C ngã xuống đường, xe máy bị đổ, anh C đứng dậy bỏ chạy; T đuổi theo và tiếp tục dùng chân đạp vào vùng ngực, sườn anh C, sau đó dùng tay trái túm áo ngực anh C, tay phải cầm mũ cối đang đội trên đầu, đập vào đầu anh C được mọi người can ngăn. T tiếp tục gom rác còn anh C điều khiển xe máy về nhà, gặp mẹ đẻ là bà Lê Thị T2 kể lại sự việc bị T đánh và kêu đau đầu. Thấy vậy bà T2 cùng gia đình đưa anh C đi Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương điều trị đến 17h45' cùng ngày thì tử vong.

Ngày 23-9-2017, bà T2 có đơn trình báo Công an, T bị bắt khẩn cấp.

Kết luận giám định pháp y số 513 ngày 23-9-2017, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận:

- Nguyên nhân chết: Chấn thương sọ não (chảy máu ngoài màng cứng và màng mềm vùng đỉnh thái dương trái, vùng trước trên thân não).

- Cơ chế gây thương: Tổn thương chảy máu ngoài màng cứng và màng mềm vùng đỉnh thái dương trái, vùng trước trên thân não, là tổn thương gây chết cho nạn nhân, có đặc điểm do bị lực tác động mạnh bởi vật tày gây nên là phù hợp.

Tổn thương bầm tụ máu dưới da và cơ thành ngực phải trên diện 10x8cm, là tổn thương phần mềm do bị lực tác động mạnh bởi vật tày gây nên.

Về trách nhiệm dân sự: Cháu Nguyễn Văn M, chị Phạm Thị H là người đại diện cho những người đại diện hợp pháp của người bị hại đã nhận 40.000.000đ tiền mai táng phí và đề nghị T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 03 con chưa thành niên của anh C.

Tại Cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 29-12-2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà truy tố Đào Văn T về tội cố ý gây thương tích theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà luận tội và giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đào Văn T phạm tội cố ý gây thương tích; đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 104; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự

năm 1999; khoản 3 Điều 7, khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; xử phạt Đào Văn T từ 06 năm 06 tháng đến 06 năm 09 tháng tù; thời hạn tính từ ngày 23-9-2017. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 591; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 03/2006/NQ – HĐTP ngày 08/7/2006 của HĐTP – TAND TC. Buộc bị cáo T phải bồi thường các chi phí theo quy định của pháp luật tổng 87.570.000đ; gia đình anh C đã nhận 40.000.000đ, bị cáo còn phải bồi thường tiếp 47.570.000đ. Buộc bị cáo Tuấn phải có trách nhiệm cấp dưỡng cho các cháu D, Hoàng A, Vân A1; mỗi cháu 650.000đ/tháng, kể từ tháng 9/2017 đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị H là người đại diện hợp pháp nhận số tiền này. Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Tịch thu tiêu hủy mũ cối màu xanh vàng nhạt; đôi ủng bằng nhựa màu rằn ri theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15-1-2018. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Quốc hội; bị cáo Tuấn phải chịu 200.000^d án phí sơ thẩm hình sự; án phí dân sự và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí với bản cáo trạng và xác định 40.000.000đ đã bồi thường là tổng các khoản (gồm tiền cứu chữa và mai táng phí; tiền tổn thất tinh thần; tiền cấp dưỡng nuôi ba con chưa thành niên của anh C); bị cáo không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp cho người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nhưng không đồng ý số tiền 40.000.000đ bồi thường cho các khoản tiền cứu chữa và mai táng phí; tiền tổn thất tinh thần; tiền cấp dưỡng nuôi ba con chưa thành niên. Chị H, cháu M đề nghị giải quyết bồi thường theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Hà, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc

khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo T, lời khai của chị H, cháu M tại phiên tòa phù hợp với nhau; phù hợp lời khai của bị cáo, lời khai của bà T2, chị H, cháu M và người làm chứng tại cơ quan điều tra, phù hợp kết luận giám định số 513/TGT ngày 23-9-2017 và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Do có mâu thuẫn, lời qua tiếng lại từ trước, khoảng 09h ngày 23-9-2017 tại khu vực xưởng sản xuất bánh đậu xanh của gia đình anh Lê Văn Q, ở thôn X, xã Q, huyện H, Đào Văn T dùng chân tay đấm, đá vào người anh C và dùng mũ cối màu xanh vàng nhạt kích thước vành 30 x 25cm, phần đỉnh mũ bọc kim loại hình vuông có răng cưa kích thước 0,3 x 3cm đập vào đầu anh C gây chấn thương sọ não dẫn đến tử vong. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được việc dùng mũ cối, đỉnh mũ bọc kim loại có răng cưa đập vào đầu người khác có thể gây nguy hại đến tính mạng cho họ nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện; với hậu quả dẫn đến chết người, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà truy tố bị cáo Đào Văn T về tội Cố ý gây thương tích theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm sức khỏe tính mạng của anh C mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương xã Q, gây bức xúc trong nhân dân. Chỉ vì trước đó hai bên có va chạm, khi gặp lại hai bên tiếp tục xô sát, anh C bỏ chạy nhưng bị cáo đuổi theo dùng chân đập vào người anh C, sau đó lấy mũ cối đập vào đầu anh C, được mọi người can ngăn bị cáo mới dừng lại. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, bị cáo là người có nhân thân xấu, đã từng hai lần bị xét xử về tội Trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng rèn luyện cho bản thân. Vì vậy cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, tại khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định về tội Cố ý gây thương tích có khung hình phạt từ 05 năm đến 10 năm tù, nhẹ hơn khung hình phạt theo khoản 3 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định từ 05 năm đến 15 năm tù. Căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét quyết định hình phạt theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội; bị cáo đã nhờ ông T1 là bố đẻ bồi thường cho gia đình người bị hại 40.000.000đ; đại diện hợp pháp cho người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Mặc dù bị cáo gây chấn thương sọ não dẫn đến cái chết của anh C nhưng cũng cần xem xét đến nguyên nhân dẫn đến vụ việc, cả hai lần đều do anh C có lời nói khiêu khích không tôn trọng công việc gom rác của bị cáo dẫn đến bị cáo bức xúc đã đánh anh C nên trong vụ án này xác định người bị hại có một phần lỗi; đây cũng là tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[3] Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584 Bộ luật dân sự, bị cáo gây thương tích dẫn đến hậu quả anh C chết nên phải có trách nhiệm bồi thường.

Do tại phiên tòa đại diện hợp pháp của người bị hại và bị cáo không tự thỏa thuận được về mức bồi thường; Hội đồng xét xử căn cứ Điều 591 Bộ luật dân sự và mục I tiểu mục 3.1 và mục II tiểu mục 2.1; 2.2; 2.3; 2.4 Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08-7-2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thì thiệt hại do tính mạng bị xâm phạm bao gồm: *Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng chăm sóc người bị thiệt hại trước khi chết; chi phí hợp lý cho việc mai táng (khoản tiền mua quan tài, vật dụng cần thiết cho việc khâm liệm, khăn tang, hương, nến, hoa, thuê xe tang, các khoản chi phí hợp lý phục vụ cho việc chôn cất, hỏa táng; khoản tiền cấp dưỡng cho những người mà người bị thiệt hại có nghĩa vụ cấp dưỡng trước khi chết; tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho tất cả những người thân thích (tối đa không quá 60 tháng lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm giải quyết bồi thường).*

Xét bảng kê và các tài liệu, phiếu thu do chị H, cháu M xuất trình, Hội đồng xét xử chấp nhận:

Anh C nhập viện đa khoa Hải Dương từ 09 giờ 21 phút ngày 23-9-2017, ra viện 12h15' ngày 23-9-2017; thời gian anh C điều trị 01 ngày.

1. Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng chăm sóc người bị thiệt hại trước khi chết: viện phí: 2.400.000đ; tiền thuê taxi đi viện: 300.000đ; tiền thuê về (có 2 phiếu thu): 4.450.000đ; Tổng là 7.150.000đ.

2. Chi phí hợp lý cho việc mai táng: Áo quan + khăn + xe tang: 7.800.000đ; phong bật: 7.600.000đ; kèn: 4.000.000đ; hương + hoa + nến: 6.000.000đ; Tổng là 25.400.000đ;

3. Tiền bù đắp tổn thất tinh thần: Anh C chết có 6 người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm bà Lê Thị T, chị Phạm Thị H, cháu Nguyễn Văn M, cháu Nguyễn Tiến D, cháu Nguyễn Hoàng A, cháu Nguyễn Văn A1 (là mẹ, vợ, con anh C) là những người được hưởng khoản tiền này; do vậy cần buộc bị cáo bồi thường một khoản tiền bù đắp về tổn thất tinh thần cho những người này bằng 42 tháng lương tối thiểu. Cụ thể $1.310.000đ \times 42 \text{ tháng} = 55.020.000đ$;

4. Tiền cấp dưỡng cho những người mà anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng trước khi chết: Anh C có 4 người con đẻ, trong đó cháu Nguyễn Văn M, sinh năm 1997, đã trên 18 tuổi, có việc làm; do vậy cháu M không thuộc đối tượng được hưởng tiền cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Các cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 26-8-2002; Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 05-8-2004; Nguyễn Văn A1, sinh ngày 26-1-2015 do anh C trực tiếp nuôi dưỡng, nên buộc bị cáo phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi cháu mỗi tháng bằng 1/2 tháng lương tối thiểu bằng 650.000đ, kể từ thời điểm tính mạng anh C bị xâm phạm(tháng 9/2017) đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Đối với bà T2, sinh năm 1950 là mẹ đẻ anh C; mặc dù đã hết tuổi lao động nhưng thực tế vẫn khỏe mạnh, không sống cùng nhà với anh C, tự lao động nuôi sống bản thân do vậy không thuộc đối tượng được hưởng tiền cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Tổng các khoản chi phí bị cáo có nghĩa vụ bồi thường theo quy định của pháp luật là: 87.570.000đ; trừ 40.000.000đ; bị cáo đã nhờ gia đình bồi thường cho gia đình người bị hại theo biên nhận tiền ngày 09-10-2017, bị cáo còn phải có nghĩa vụ bồi thường tiếp cho gia đình người bị hại (do chị H đại diện nhận) số tiền 47.570.000đ.

[4] Về xử lý vật chứng: 01 mũ cối màu xanh vàng nhạt có kích thước vành mũ (30x 25)cm, đỉnh mũ có kim loại hình vuông răng cưa kích thước (03x03)cm, phần vành và thân mũ có nhiều vết rạn, nứt; 01 đôi ủng bằng nhựa màu rằn ri cao 36 cm, phần đế bằng nhựa có kích thước (27x 08x 01)cm; là những phương tiện bị cáo dùng

để thực hiện hành vi phạm tội; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy.

[5]Về án phí: Bị cáo bị kết án và phải bồi thường, cấp dưỡng nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố Bị cáo Đào Văn T phạm tội Cố ý gây thương tích.

Căn cứ khoản 3 Điều 104; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7, khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Đào Văn T 06 (sáu) năm 09 (chín) tháng tù; thời hạn tính từ ngày 23-9-2017.

Trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 591; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 03/2006/NQ – HĐTP ngày 08/7/2006 của HĐTP – TAND TC.

Buộc bị cáo Đào Văn T phải bồi thường các chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng chăm sóc người bị thiệt hại trước khi chết; chi phí hợp lý cho việc mai táng; tiền bù đắp tổn thất tinh thần cho gia đình anh Cường tổng 87.570.000đ; đổi trừ 40.000.000đ gia đình người bị hại đã nhận, bị cáo còn phải có nghĩa vụ bồi thường tiếp cho gia đình người bị hại (do chị Huế đại diện nhận) số tiền 47.570.000đ.

Buộc bị cáo Đào Văn T phải có trách nhiệm cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 26-8-2002; cháu Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 05-8-2004; cháu Nguyễn Vân A1, sinh ngày 26-1-2015, mỗi cháu là 650.000đ/tháng, kể từ tháng 9/2017 đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị H là người đại diện hợp pháp nhận số tiền này.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không thi hành các khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu tiêu hủy 01 mũ cối màu xanh vàng nhạt có kích thước vành mũ (30x 25)cm, đỉnh mũ có kim loại hình vuông răng cưa kích thước (03x03)cm, phần vành và thân mũ có nhiều vết rạn, nhũn; 01 đôi ủng bằng nhựa màu rằn ri cao 36 cm, phần đế bằng nhựa có kích thước (27x 08x 01)cm (*theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15-1-2018*).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Quốc hội.

Bị cáo Đào Văn T phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự; 2.378.500đ án phí dân sự và 300.000đ án phí cấp dưỡng.

Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo, Người đại diện hợp pháp của người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. /.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Trại tạm giam Kim Chi.
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện ;
- Bị cáo,
- Đại diện hợp pháp bị hại.
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Thuý

Đoàn Thị Thúy

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Trại tạm giam Kim Chi.
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện ;
- Bị cáo,
- Đại diện hợp pháp bị hại.
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Thúy